

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2015/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet***Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;**Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;**Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;**Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, bao gồm: đăng ký, phân bổ, cấp, sử dụng, hoàn trả, tạm ngừng, thu hồi, giải quyết tranh chấp, đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực Internet Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *ICANN* là tên viết tắt của tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế, có thẩm quyền quản lý hệ thống tên miền cấp cao nhất toàn cầu.

2. *VNNIC* là tên viết tắt của Trung tâm Internet Việt Nam, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. *Nhà đăng ký tên miền* là tổ chức thực hiện dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền bao gồm Nhà đăng ký tên miền “.vn” và Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam.

4. *Tên miền* là tên được sử dụng để định danh địa chỉ Internet của máy chủ gồm các dãy ký tự cách nhau bằng dấu chấm “.”. Tên miền bao gồm:

a) Tên miền dùng các ký tự dựa trên cơ sở bảng mã ASCII, sau đây gọi là tên miền mã ASCII;

b) Tên miền dùng bảng chữ cái dựa trên cơ sở ngôn ngữ truyền thống của từng quốc gia, sau đây gọi là tên miền đa ngữ (IDN).

5. *Tên miền cấp cao nhất* là dãy ký tự cuối cùng trong cấu trúc tên miền toàn cầu. Tên miền cấp cao nhất (TLD) bao gồm:

a) *Tên miền chung cấp cao nhất (gTLD)* là các tên miền “.com”; “.net”; “.edu”; “.org”; “.int”; “.biz”; “.info”; “.name”; “.pro”; “.aero”; “.museum”; “.coop” và những tên miền chung cấp cao nhất khác;

b) *Tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD)* là tên miền cấp cao nhất dành riêng cho mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ quy định theo chuẩn quốc tế về mã quốc gia (ISO-3166), trong đó tên miền “.vn” là tên miền quốc gia Việt Nam cấp cao nhất.

6. *Tên miền chung mới cấp cao nhất (New gTLD)* là tên miền chung cấp cao nhất (gTLD) được ICANN mở rộng cấp phát trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân trên thế giới theo chương trình New gTLD.

7. *Tên miền quốc gia Việt Nam* là tập hợp tên miền các cấp dưới tên miền quốc gia Việt Nam cấp cao nhất “.vn” (sau đây gọi chung là tên miền “.vn”) và tên miền các cấp dưới tên miền cấp cao nhất khác thuộc quyền quản lý của Việt Nam.

8. *Tên miền quốc tế* là tên miền các cấp dưới tên miền chung cấp cao nhất (gTLD) và tên miền các cấp dưới tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD), ngoài tên miền quốc gia Việt Nam.

9. *Tên miền các cấp (cấp 2, cấp 3,...)* là các dãy ký tự tạo nên tên miền theo trật tự lần lượt nằm dưới tên miền cấp cao nhất.

10. *Địa chỉ Internet (địa chỉ IP)* là địa chỉ mạng của thiết bị, máy chủ bao gồm các thể hệ địa chỉ IPv4, IPv6 và các thể hệ địa chỉ mới tiếp theo.

11. *Số hiệu mạng* là số được sử dụng để định danh một mạng máy tính tham gia vào hoạt động định tuyến chung trên Internet.

12. *Hệ thống máy chủ tên miền (hệ thống DNS)* là tập hợp các cụm máy chủ được kết nối với nhau để trả lời địa chỉ IP tương ứng với một tên miền khi được hỏi đến. Hệ thống DNS quốc gia là hệ thống DNS do VNNIC trực tiếp quản lý phục vụ việc truy vấn địa chỉ IP cho tên miền các cấp dưới tên miền “.vn”.

13. *Dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn”* là dịch vụ do các Nhà đăng ký tên miền “.vn” cung cấp cho cơ quan, tổ chức cá nhân khả năng tạo mới, cập nhật, duy trì và quản lý tên miền các cấp dưới tên miền “.vn” trong cơ sở dữ liệu tên miền và hệ thống DNS quốc gia, bao gồm:

- a) Thực hiện việc đăng ký, duy trì tên miền; đảm bảo an toàn đối với tên miền và dữ liệu tên miền;
- b) Lưu trữ, báo cáo, cung cấp thông tin về tên miền và thông tin của các tổ chức, cá nhân đăng ký tên miền;
- c) Từ chối đăng ký, tạm ngừng, thu hồi tên miền;
- d) Thu, nộp phí và lệ phí tên miền.

14. *Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền (sau đây gọi tắt là chủ thể)* là các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký và được cấp quyền sử dụng tên miền “.vn”.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet

1. Tài nguyên Internet được quy hoạch thống nhất để bảo đảm cho hoạt động Internet của Việt Nam an toàn, tin cậy và hiệu quả.
2. Tài nguyên Internet liên quan tới chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia; đến các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được ưu tiên bảo vệ và không được xâm phạm.
3. Việc quản lý, sử dụng tài nguyên Internet phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng quy định và không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.
4. Tăng cường hợp tác quốc tế, nghiêm chỉnh thực hiện và tôn trọng điều ước, pháp luật quốc tế trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài nguyên Internet.
5. Tài nguyên Internet chỉ được đưa vào hoạt động hoặc được tiếp tục duy trì hoạt động sau khi cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng tài nguyên Internet đã thực hiện việc nộp phí và lệ phí theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của VNNIC

1. Tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet hiệu quả, đúng quy định.
2. Bảo đảm an toàn việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và bí mật thông tin của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng tài nguyên Internet theo quy định.
3. Đầu tư, quản lý, khai thác hệ thống DNS quốc gia và các hệ thống kỹ thuật phục vụ việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet hiệu quả, an toàn, đúng quy định.
4. Báo cáo tình hình và thống kê số liệu liên quan đến việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.
5. Xây dựng và trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt hợp đồng mẫu ký với Nhà đăng ký tên miền “.vn”; hợp đồng mẫu ký với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền các cấp dưới New gTLD vào từng thời kỳ phù hợp với yêu cầu thực tiễn và các quy định của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia là thành viên.

6. Tổ chức thỏa thuận, ký kết và thực hiện hợp đồng với Nhà đăng ký tên miền “.vn”; với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền các cấp dưới New gTLD phù hợp với quy hoạch và quy định quản lý tài nguyên Internet.

7. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các Nhà đăng ký tên miền “.vn”; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền các cấp dưới New gTLD bảo đảm đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký giữa hai bên.

8. Thực hiện bảo vệ các tên miền “.vn” liên quan tới chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM

Điều 5. Cấu trúc tên miền “.vn”

1. Tên miền “.vn” bao gồm tên miền không dấu và tên miền tiếng Việt:

a) Tên miền không dấu là tên miền mã ASCII, trong đó các ký tự tạo nên tên miền là các ký tự được quy định trong bảng mã ASCII, bao gồm tên miền không dấu các cấp dưới tên miền “.vn”;

b) Tên miền tiếng Việt là tên miền đa ngữ, trong đó các ký tự tạo nên tên miền là các ký tự được quy định trong bảng mã tiếng Việt, bảng mã tiếng Việt mở rộng theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001 và dấu “-”, bao gồm tên miền tiếng Việt các cấp dưới tên miền “.vn”.

2. Tên miền không dấu bao gồm:

a) Tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực;

b) Tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính;

c) Tên miền không dấu cấp 2 dùng riêng;

d) Tên miền không dấu cấp 3 dưới tên miền không dấu cấp 2 dùng chung.

3. Tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực là tên miền không dấu được đặt theo tên các lĩnh vực hoạt động trong đời sống xã hội và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, bao gồm:

a) COM.VN dành cho tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại;

b) BIZ.VN dành cho tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại (tương đương với tên miền COM.VN);

c) EDU.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

d) GOV.VN dành cho các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương;

đ) NET.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực thiết lập và cung cấp các dịch vụ trên mạng;

e) ORG.VN dành cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội;

g) INT.VN dành cho các tổ chức quốc tế;

h) AC.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu;

i) PRO.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực có tính chuyên ngành cao;

k) INFO.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, phân phối, cung cấp thông tin;

l) HEALTH.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực dược, y tế;

m) NAME.VN dành cho các cá nhân đăng ký theo tên riêng của cá nhân;

n) Những tên miền khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

4. Tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính là tên miền được đặt theo tên các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không có dấu và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào (hanoi.vn, haiphong.vn,...).

5. Tên miền không dấu cấp 2 dùng riêng là tên miền không dấu dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng.

6. Tên miền không dấu cấp 3 là tên miền không dấu nằm dưới tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực, tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính và dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng.

7. Tên miền tiếng Việt bao gồm tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính, tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng riêng và tên miền tiếng Việt cấp 3 dưới tên miền tiếng Việt cấp 2 phân theo địa giới hành chính.

a) Tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính là tên miền tiếng Việt được đặt theo tên các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào (hanoi.vn, haiphong.vn...);

b) Tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng riêng là tên miền tiếng Việt dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng;

c) Tên miền tiếng Việt cấp 3 là tên miền tiếng Việt dưới tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính và dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng.